

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Trần Ngọc Châu	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Châu	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Phạm Văn Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014)
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Số: ~~TC~~ /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 16 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0771-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		439.378.277.431	391.893.188.816
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	57.588.566.343	141.699.204.177
1. Tiền	111		36.488.566.343	38.682.795.940
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.100.000.000	103.016.408.237
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	130.000.000	130.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		410.000.000	410.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(280.000.000)	(280.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		106.048.324.909	94.323.481.281
1. Phải thu khách hàng	131	7	82.196.194.414	74.305.520.857
2. Trả trước cho người bán	132	8	24.711.036.678	17.574.783.757
3. Các khoản phải thu khác	135	9	1.407.625.089	3.281.376.667
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.266.531.272)	(838.200.000)
IV. Hàng tồn kho	140	10	219.588.427.668	111.809.959.111
1. Hàng tồn kho	141		219.944.427.668	111.809.959.111
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(356.000.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56.022.958.511	43.930.544.247
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		172.597.019	456.683.913
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.239.298.595	34.980.290.774
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	5.254.769.794	4.376.513.934
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	5.356.293.103	4.117.055.626
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		126.030.759.061	108.648.468.182
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.410.257.501	-
1. Phải thu dài hạn khác	218	13	33.410.257.501	-
II. Tài sản cố định	220		26.687.848.540	23.506.445.809
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	20.566.892.836	21.780.621.658
- Nguyên giá	222		36.755.236.700	34.263.913.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.188.343.864)	(12.483.291.889)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.120.955.704	1.710.964.024
- Nguyên giá	228		6.688.651.502	2.122.470.640
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(567.695.798)	(411.506.616)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	14.860.127
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		65.349.918.078	84.619.731.587
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	135.000.000.000	150.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	9.919.922.558	9.919.922.558
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(79.570.004.480)	(75.300.190.971)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		582.734.942	522.290.786
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		582.734.942	522.290.786
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		565.409.036.492	500.541.656.998

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÀU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		373.754.528.931	320.075.460.004
I. Nợ ngắn hạn	310		373.754.528.931	320.075.460.004
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	286.309.494.620	249.105.994.569
2. Phải trả người bán	312	19	75.537.116.301	61.782.314.856
3. Người mua trả tiền trước	313		9.413.422.347	5.466.884.856
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	316.036.230	273.624.264
5. Phải trả người lao động	315		4.954.540	-
6. Chi phí phải trả	316		207.905.676	616.605.978
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	1.786.709.737	2.404.097.001
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		178.889.480	425.938.480
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		191.654.507.561	180.466.196.994
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	191.654.507.561	180.466.196.994
1. Vốn điều lệ	411		151.993.450.000	128.314.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55.634.688.169	79.313.588.169
3. Cổ phiếu quỹ	414		(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		180.315.826	180.315.826
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.856.135.042	7.856.135.042
6. Lỗi lũy kế	420		(11.584.347.367)	(22.772.657.934)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		565.409.036.492	500.541.656.998

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	3.305.581.500	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý	4.851.384.265	-
3. Ngoại tệ các loại		
USD	1.281.197	1.510.371
EUR	5.620	534

Trần Lê Phong

Trần Lê Phong
Người lập biểu

Lê Thúy Đào

Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng



Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng	01	23	3.340.977.022.525	1.801.716.211.562
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	15.519.600	3.930.822.955
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	23	3.340.961.502.925	1.797.785.388.607
4. Giá vốn hàng bán	11	24	3.212.694.964.638	1.742.291.501.671
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		128.266.538.287	55.493.886.936
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.715.466.765	10.091.492.065
7. Chi phí tài chính	22	26	36.260.448.658	34.341.897.528
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.680.938.485	8.984.050.626
8. Chi phí bán hàng	24		73.097.640.296	33.592.852.088
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.925.912.494	16.262.856.140
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		13.698.003.604	(18.612.226.755)
11. Thu nhập khác	31		179.768.540	420.839.649
12. Chi phí khác	32		412.778.127	90.471.173
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(233.009.587)	330.368.476
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.464.994.017	(18.281.858.279)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	325.925.680
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		13.464.994.017	(18.607.783.959)



Trần Lê Phong
Người lập biểu




Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng


Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	13.464.994.017	(18.281.858.279)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.861.241.157	3.310.200.840
Các khoản dự phòng	03	15.056.824.881	20.930.419.770
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.380.079.189	450.991.026
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.738.376.978)	(5.893.628.595)
Chi phí lãi vay	06	13.680.938.485	8.984.050.626
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.705.700.751	9.500.175.388
Thay đổi các khoản phải thu	09	(59.409.115.972)	(20.057.255.729)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(108.134.468.557)	(8.085.094.051)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	14.427.907.649	13.167.517.041
Thay đổi chi phí trả trước	12	335.439.357	(429.645.438)
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.872.926.887)	(8.863.169.609)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(247.230.000)	(139.905.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(123.194.693.659)	(14.904.377.398)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.570.308.509)	(9.011.557.072)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.112.734	-
3. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.371.690.803	5.364.057.826
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.804.495.028	(3.647.499.246)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.253.696.693.062	1.183.056.544.110
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.217.399.537.957)	(1.083.639.989.194)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(9.623.200)	(50.581.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36.287.531.905	99.365.973.756
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(84.102.666.726)	80.814.097.112
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	141.699.204.177	61.180.970.193
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(7.971.108)	(295.863.128)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	57.588.566.343	141.699.204.177


Trần Lê Phong
Người lập biểu


Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng


Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 lần đầu vào ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PIT.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 52,67% vốn điều lệ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 02 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002024 ngày 09 tháng 10 năm 2007), địa chỉ: Số 1, Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; và
- Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309391013 ngày 25 tháng 9 năm 2009), địa chỉ: Tòa nhà PJICO, 186 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Và một chi nhánh là Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại Số 577/E, tổ 5, ấp 3, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 85 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 81).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, quặng kim loại, kim loại màu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất, mua bán các loại thẻ từ, thẻ vi mạch, thẻ điện thoại (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sơn và nguyên liệu, sản phẩm ngành sản xuất sơn (không sản xuất tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con trong một báo cáo khác.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty con và các khoản đầu tư mua cổ phiếu của các đơn vị khác với tỷ lệ đầu tư dưới 20% và cho mục đích nắm giữ lâu dài. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và trừ dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Các khoản lỗ sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 11,6 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: khoảng 22,7 tỷ đồng), có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	502.635.782	192.154.827
Tiền gửi ngân hàng	35.985.930.561	38.490.641.113
Các khoản tương đương tiền (i)	21.100.000.000	103.016.408.237
	<u>57.588.566.343</u>	<u>141.699.204.177</u>

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu chứng khoán ngắn hạn	410.000.000	410.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(280.000.000)	(280.000.000)
	<u>130.000.000</u>	<u>130.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Khách hàng trong nước		
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	6.628.979.762	11.194.479.845
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Vạn Vạn Thông	3.849.431.042	3.986.189.042
Công ty Cổ phần Trà Phí	3.521.900.000	2.875.600.000
Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hoàng Lâm	3.461.515.168	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	3.301.194.003	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	2.842.471.668	9.198.342.110
Doanh nghiệp Tư nhân Sản xuất Hải Sơn	-	2.286.800.000
Các khách hàng trong nước khác	12.295.664.794	15.379.246.253
Khách hàng nước ngoài		
Công ty Aliments Medaillon Foods (Canada)	2.864.977.384	-
Công ty McCormick Global Ingredients (Mỹ)	3.745.429.077	73.000.040
Công ty Schiff Food Products (Mỹ)	5.759.215.000	-
Công ty Chesapeake Spice (Mỹ)	5.689.762.500	-
Công ty Drogheria & Alimentari (Italia)	3.771.805.000	-
Công ty Frutarom (Israel)	3.006.759.000	-
Công ty Altius Spices and Seasonings (Canada)	2.559.271.200	-
Công ty Qingdao International Rubber Exchange Market (Trung Quốc)	6.392.671.806	-
Công ty Qingdao Free Trade Zone Jianuo International Trade (Trung Quốc)	2.290.864.000	-
Công ty Qingdao Free Trade Zone Huigong International Trade (Trung Quốc)	-	9.208.874.099
Công ty Ab Mauri India Private (Ấn độ)	-	5.660.190.800
Công ty Star Industry (Samoa)	-	4.553.280.000
Công ty Service Industries (Parkistan)	2.314.114.560	3.529.297.920
Các khách hàng nước ngoài khác	7.900.168.450	6.360.220.748
	<u>82.196.194.414</u>	<u>74.305.520.857</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	14.477.400.000	13.125.000.000
Công ty TNHH MTV Huyền Trang	4.533.174.532	-
Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Phát	2.345.360.000	-
Các đối tượng khác	3.355.102.146	4.449.783.757
	<u>24.711.036.678</u>	<u>17.574.783.757</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng	331.235.902	331.235.902
Phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	616.257.655	1.743.691.000
Thuế thu nhập cá nhân phải thu cán bộ công nhân viên	151.110.317	328.796.387
Lãi dự thu	41.737.500	675.051.325
Phải thu khác	267.283.715	202.602.053
	<u>1.407.625.089</u>	<u>3.281.376.667</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	7.015.120.569	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.286.123.405	-
Công cụ, dụng cụ	203.065.008	79.173.041
Thành phẩm	1.749.017.531	-
Hàng hóa	202.168.620.935	101.175.830.850
Hàng hóa bất động sản đầu tư	1.310.455.220	1.310.455.220
Hàng gửi đi bán	3.212.025.000	9.244.500.000
Cộng	219.944.427.668	111.809.959.111
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(356.000.000)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	219.588.427.668	111.809.959.111

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.270.207.527	4.270.207.527
Thuế giá trị gia tăng	813.968.218	-
Thuế thu nhập cá nhân	90.620.167	106.306.407
Các khoản khác phải thu Nhà nước	79.973.882	-
	5.254.769.794	4.376.513.934

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	5.349.993.103	4.110.755.626
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.300.000	6.300.000
	5.356.293.103	4.117.055.626

13. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex - Công ty con của Công ty, bao gồm gốc và lãi của khoản vay dài hạn mà Công ty đã trả hộ cho Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex trong năm 2014. Công ty đã cam kết không thu hồi lại trong khoảng thời gian 3 năm kể từ ngày thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	12.978.969.904	18.221.324.798	2.566.329.430	497.289.415	34.263.913.547
Mua trong năm	-	713.660.000	617.563.636	253.945.000	1.585.168.636
Phân loại lại	219.254.926	(202.254.927)	(28.189.089)	11.189.090	-
Tăng khác (*)	774.036.525	132.117.992	-	-	906.154.517
Tại ngày 31/12/2014	13.972.261.355	18.864.847.863	3.155.703.977	762.423.505	36.755.236.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	7.080.956.268	2.794.041.252	2.183.346.784	424.947.585	12.483.291.889
Khấu hao trong năm	1.344.267.868	2.046.724.391	206.481.522	107.578.194	3.705.051.975
Phân loại lại	(1.740.368)	(759.633)	1	2.500.000	-
Tại ngày 31/12/2014	8.423.483.768	4.840.006.010	2.389.828.307	535.025.779	16.188.343.864
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	5.548.777.587	14.024.841.853	765.875.670	227.397.726	20.566.892.836
Tại ngày 31/12/2013	5.898.013.636	15.427.283.546	382.982.646	72.341.830	21.780.621.658

(*) Tăng khác là giá trị còn lại của các tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (trước đây là công ty con của Công ty) chuyển về sau khi giải thể.

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.424.889.986 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.488.736.604 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thế chấp nhà văn phòng và nhà kho tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên theo Hợp đồng thế chấp số 0243/NHNT ngày 08 tháng 12 năm 2014 để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.598.017.826 đồng.

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	1.205.192.140	917.278.500	2.122.470.640
Tăng khác (*)	4.566.180.862	-	4.566.180.862
Tại ngày 31/12/2014	5.771.373.002	917.278.500	6.688.651.502
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	-	411.506.616	411.506.616
Khấu hao trong năm	-	156.189.182	156.189.182
Tại ngày 31/12/2014	-	567.695.798	567.695.798
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	5.771.373.002	349.582.702	6.120.955.704
Tại ngày 31/12/2013	1.205.192.140	505.771.884	1.710.964.024

(*) Tăng khác là giá trị còn lại của quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (trước đây là công ty con của Công ty) chuyển về sau khi giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)**

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 419.017.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 111.017.500 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên theo Hợp đồng thế chấp số 0243/NHNT ngày 08 tháng 12 năm 2014 để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.205.192.140 đồng.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu...
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không phải sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh các mặt hàng khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con trên được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty theo phương pháp giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Số tiền đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty con	Giá trị đầu tư tại 31/12/2014 VND	Giá trị đầu tư tại 31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (i)	-	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	120.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	135.000.000.000	150.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	(79.570.004.480)	(75.300.190.971)
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	(79.570.004.480)	(66.297.510.871)
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (i)	-	(9.002.680.100)
Giá trị đầu tư thuần	55.429.995.520	74.699.809.029

(i) Ngày 18 tháng 7 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 699/2013/NQ-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (công ty con của Công ty) để sáp nhập về Công ty kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý về việc giải thể nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	6.300.000.000	6.300.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	3.619.922.558
	<u>9.919.922.558</u>	<u>9.919.922.558</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên và nhận thấy không có khoản đầu tư nào có dấu hiệu suy giảm về giá trị, các đơn vị nhận đầu tư đều có lãi và chia cổ tức hàng năm. Do vậy, Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư nêu trên.

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	286.309.494.620	249.105.994.569
	<u>286.309.494.620</u>	<u>249.105.994.569</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	Phương thức đảm bảo
	VND	VND	
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	125.552.930.494	103.415.280.438	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	46.610.705.360	-	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	114.145.858.766	145.690.714.131	Tin chấp và Thẻ chấp tài sản
	<u>286.309.494.620</u>	<u>249.105.994.569</u>	

(i) Các tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn, nhà văn phòng và nhà kho tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên theo Hợp đồng thế chấp số 0243/NHNT ngày 08 tháng 12 năm 2014.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Bahru Stainless SDN BHD (Malaysia)	56.889.683.267	38.803.792.068
Công ty Acerinox SC Malaysia SDN BHD (Malaysia)	5.096.172.284	5.463.583.332
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	3.379.862.240	5.348.753.000
Công ty Acerinox Europa (Tây Ban Nha)	2.470.594.248	-
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28	2.178.230.200	2.485.632.000
Khác	5.522.574.062	9.680.554.456
	<u>75.537.116.301</u>	<u>61.782.314.856</u>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	286.472.588	-
Thuế xuất nhập khẩu	29.419.842	273.624.264
Thuế thu nhập cá nhân	143.800	-
	<u>316.036.230</u>	<u>273.624.264</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	56.235.803
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	-	191.135.283
Cổ tức phải trả	524.488.250	534.111.450
Khách hàng đặt cọc mua nhà	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả khác	262.221.487	622.614.465
	1.786.709.737	2.404.097.001

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lãi (Lỗ) lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	128.314.550.000	79.313.588.169	(12.425.734.109)	180.315.826	7.856.135.042	(4.114.292.815)	199.124.562.113
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(18.607.783.959)	(18.607.783.959)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(50.581.160)	(50.581.160)
Tại ngày 31/12/2013	128.314.550.000	79.313.588.169	(12.425.734.109)	180.315.826	7.856.135.042	(22.772.657.934)	180.466.196.994
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	13.464.994.017	13.464.994.017
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	23.678.900.000	(23.678.900.000)	-	-	-	-	-
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	-	(2.276.683.450)	(2.276.683.450)
Tại ngày 31/12/2014	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	180.315.826	7.856.135.042	(11.584.347.367)	191.654.507.561

(i) Năm 2014, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần với tổng giá trị là 23.678.900.000 đồng theo Nghị quyết số 928/2014/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị. Ngày 19 tháng 9 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 897/TB-SGDHCM và Quyết định số 361/QĐ-SGDHCM về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết của Công ty. Theo đó, số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết là 2.367.890 cổ phiếu và ngày chính thức giao dịch là ngày 29 tháng 9 năm 2014. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để thay đổi vốn điều lệ và tổng số cổ phần trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(ii) Theo Quyết định số 1408/QĐ-CT-XP và 1409/QĐ-CT-XP ngày 15 tháng 4 năm 2014 về việc xử lý vi phạm về thuế, Công ty phải nộp truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính cho giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2012. Công ty đã thực hiện nộp truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính và ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu Lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ phiếu:

	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	Cổ phần	15.199.345	12.831.455
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>15.199.345</i>	<i>12.831.455</i>
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	Cổ phần	989.120	989.120
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>989.120</i>	<i>989.120</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	14.210.225	11.842.335
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>14.210.225</i>	<i>11.842.335</i>
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn điều lệ đã góp của các cổ đông như sau:

	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND	Vốn góp tại ngày 31/12/2013 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	52,67%	80.056.110.000	66.713.430.000
Các cổ đông khác	47,33%	71.937.340.000	61.601.120.000
	100%	151.993.450.000	128.314.550.000

23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu xuất khẩu	2.587.474.111.978	1.185.409.211.390
Doanh thu nội địa	753.502.910.547	616.307.000.172
	3.340.977.022.525	1.801.716.211.562
Các khoản giảm trừ doanh thu	15.519.600	3.930.822.955
Doanh thu thuần về bán hàng	3.340.961.502.925	1.797.785.388.607

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn xuất khẩu	2.501.583.216.180	1.144.455.376.731
Giá vốn hàng bán nội địa	711.111.748.458	597.836.124.940
	3.212.694.964.638	1.742.291.501.671

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.650.369.700	4.626.053.111
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.088.007.278	1.267.575.484
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.499.103.215	4.191.390.137
Lãi bán hàng trả chậm	476.253.216	6.473.333
Doanh thu tài chính khác	1.733.356	-
	10.715.466.765	10.091.492.065

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	13.680.938.485	8.984.050.626
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	13.272.493.609	20.092.219.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.902.245.890	4.814.636.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.380.079.189	450.991.026
Chi phí tài chính khác	24.691.485	-
	36.260.448.658	34.341.897.528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	13.464.994.017	(18.281.858.279)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.088.007.278	1.267.575.484
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.088.007.278	1.267.575.484
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	234.000.000	235.200.000
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp tham gia điều hành	234.000.000	235.200.000
Chuyển lỗ	(11.610.986.739)	-
Thu nhập chịu thuế	-	(19.314.233.763)
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (i)	-	325.925.680
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	325.925.680

(i) Công ty thực hiện kê khai bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2008 và 2009 theo biên bản kiểm tra của cơ quan thuế ngày 15 tháng 3 năm 2013.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	748.860.525	599.423.077
Chi phí nhân công	16.315.400.085	12.387.579.354
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.861.241.157	3.310.200.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.957.264.280	34.063.054.280
Chi phí khác bằng tiền	2.553.579.926	3.941.684.073
	96.436.345.973	54.301.941.624

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	286.309.494.620	249.105.994.569
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	57.588.566.343	141.699.204.177
Nợ thuần	228.720.928.277	107.406.790.392
Vốn chủ sở hữu	191.654.507.561	180.466.196.994
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,19	0,60

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.588.566.343	141.699.204.177
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130.000.000	130.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	114.596.435.415	76.748.697.524
Đầu tư tài chính dài hạn	9.919.922.558	9.919.922.558
Tổng cộng	182.234.924.316	228.497.824.259
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	286.309.494.620	249.105.994.569
Phải trả người bán và phải trả khác	77.323.826.038	63.939.040.771
Chi phí phải trả	207.905.676	616.605.978
Tổng cộng	363.841.226.334	313.661.641.318

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	353.138.509.371	74.627.594.535	73.674.233.682	61.223.478.595
Euro (EUR)	-	-	145.411.880	14.359.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(27.946.427.569)	(1.340.411.594)
Euro (EUR)	14.541.188	1.435.926

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và có biện pháp phù hợp phòng ngừa được rủi ro nêu trên.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường để xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng liên quan đến khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 11 tỷ đồng. Trong đó, giá trị phải thu quá hạn thanh toán đã lập dự phòng là khoảng 2,3 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và cho rằng các khoản phải thu quá hạn còn lại nêu trên có thể thu hồi được trong tương lai gần và khách hàng đã có tài sản dùng để đảm bảo thanh toán cho các khoản phải thu với giá trị cao hơn số Công ty phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.588.566.343	-	57.588.566.343
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130.000.000	-	130.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.186.177.914	33.410.257.501	114.596.435.415
Đầu tư tài chính dài hạn	-	9.919.922.558	9.919.922.558
	138.904.744.257	43.330.180.059	182.234.924.316
31/12/2014			
Các khoản vay	286.309.494.620	-	286.309.494.620
Phải trả người bán và phải trả khác	77.323.826.038	-	77.323.826.038
Chi phí phải trả	207.905.676	-	207.905.676
	363.841.226.334	-	363.841.226.334
Chênh lệch thanh khoản thuần	(224.936.482.077)	43.330.180.059	(181.606.302.018)
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.699.204.177	-	141.699.204.177
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130.000.000	-	130.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.748.697.524	-	76.748.697.524
Đầu tư tài chính dài hạn	-	9.919.922.558	9.919.922.558
	218.577.901.701	9.919.922.558	228.497.824.259
31/12/2013			
Các khoản vay	249.105.994.569	-	249.105.994.569
Phải trả người bán và phải trả khác	63.939.040.771	-	63.939.040.771
Chi phí phải trả	616.605.978	-	616.605.978
	313.661.641.318	-	313.661.641.318
Chênh lệch thanh khoản thuần	(95.083.739.617)	9.919.922.558	(85.163.817.059)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản tài chính của Công ty nhỏ hơn công nợ tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	2014	2013
		VND	VND
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	12.130.017.469	2.040.000.000
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	-	73.707.958.810
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương	Công ty con	-	40.909.091
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	60.500.771.663	76.928.431.053
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên của Petrolimex	33.200.679.960	30.847.834.240
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên của Petrolimex	32.904.677.570	-
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex	1.542.119.240	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	887.607.492	566.978.699
Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	Thành viên của Petrolimex	-	341.270.000
Công ty Xăng dầu Khu vực II - Xí nghiệp Bán lẻ	Thành viên của Petrolimex	445.900.962	341.428.805
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	8.594.398	180.154.368
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Thành viên của Petrolimex	-	1.752.727
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Thành viên của Petrolimex	-	1.593.455
Các bên liên quan	Mối quan hệ	2014	2013
		VND	VND
Lãi trả chậm			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	429.451.650	1.015.699.999
Lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	1.700.089.980	719.143.877
Thu nhập của Ban Giám đốc		2.517.716.875	2.592.264.600

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công nợ phải thu			
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	3.301.194.003	-
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	-	1.743.691.000
Trả trước cho người bán			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	14.477.400.000	13.125.000.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	887.768.158	-
Công nợ phải trả			
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương	Công ty con	-	72.411.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	-	1.771.387.983
Công ty Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành viên của Petrolimex	-	432.000
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Thành viên của Petrolimex	-	1.928.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	663.986	985.988
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	52.900.025	32.130.700
Công ty Xăng dầu Khu vực II - Xí nghiệp Bán lẻ	Thành viên của Petrolimex	33.504.100	43.318.974
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên của Petrolimex	388.677.014	-

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Trần Lê Phong
Người lập biểu**Lê Thúy Đào**
Kế toán trưởng**Hà Huy Thắng**
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015